

Số 81 /KH-UBND

TP. Trà Vinh, ngày 08 tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1983/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020

Căn cứ Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1983/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức quán triệt sâu rộng, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 (gọi tắt là Nghị quyết số 15-NQ/TW), Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 (gọi tắt là Kết luận số 92-KL/TW), Quyết định số 1983/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW (gọi tắt là Quyết định số 1983/QĐ-TTg), Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh, tạo chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm, hành động của các ngành, các cấp, các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn về chính sách xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của thành phố.

- Xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể thành phố, Ủy ban nhân dân các phường, xã trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW, Kết luận số 92-KL/TW, Quyết định số 1983/QĐ-TTg, Quyết định số 820/QĐ-UBND và Kế hoạch này.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức quán triệt, xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch phải đảm bảo lộ trình và phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện phù hợp với các mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp đã xác định trong các chương trình, đề án, kế hoạch về chính sách xã hội, gắn với các mục tiêu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của thành phố.

- Đảm bảo sự chủ động, kịp thời, đồng bộ trong tổ chức thực hiện Kế hoạch này; các ban, ngành, đoàn thể thành phố được giao chủ trì hoạt động có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai đúng tiến độ, thực chất, hiệu quả.

- Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị từ thành phố đến phường, xã và toàn xã hội; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, trách nhiệm giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện Kế hoạch này.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về chính sách xã hội

a) Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm trong cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân về chính sách xã hội, khơi dậy tinh thần tự vươn lên của người dân và huy động nguồn lực thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

b) Xây dựng, lồng ghép các nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chính sách xã hội bảo đảm theo quy định tại Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; tăng thời lượng phát sóng chương trình phát thanh, truyền thanh tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn.

c) Xây dựng, phát hành tài liệu truyền thông với nội dung và hình thức phù hợp với mọi đối tượng, chú trọng người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế; hướng dẫn truyền thông về chính sách xã hội.

d) Thường xuyên giới thiệu, tuyên truyền, biểu dương những mô hình tốt, cách làm hay và tấm gương tiêu biểu trong thực hiện chính sách xã hội.

2. Phát triển hệ thống chính sách xã hội toàn diện và bền vững

a) Thực hiện có hiệu quả các chính sách, pháp luật và các chương trình, đề án có liên quan đến vấn đề chính sách xã hội; tổng kết, đánh giá các chính sách, pháp luật và các chương trình, đề án có liên quan; rà soát, phát hiện những vướng mắc, hạn chế, bất cập, đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách xã hội bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi và phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

b) Tổ chức thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định; đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công” nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng Nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng; tiếp tục đầu tư xây dựng, sửa chữa, tôn tạo và nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ đảm bảo mỹ quan, bền vững.

c) Tiếp tục thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo theo hướng bền vững, tăng cường khả năng tiếp cận của đối tượng thụ hưởng và sự tham gia của người nghèo, trong đó chú trọng các giải pháp khuyến khích người nghèo vươn lên thoát nghèo, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn; chú trọng hỗ trợ phát triển và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Hoàn thiện cơ bản kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trước hết là hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, nước sinh hoạt, giảm nghèo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở phù hợp quy hoạch dân cư và quy hoạch sản xuất, đảm bảo phục vụ có hiệu quả đời sống và phát triển sản xuất của người dân.

đ) Tăng cường công tác quản lý của các cấp chính quyền, sự vào cuộc của hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở đối với công tác dân tộc; an sinh xã hội; phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo; chăm sóc sức khỏe người dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc, phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em; thực hiện bình đẳng giới và các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số.

e) Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08/10/2018 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, phù hợp, đa dạng, hướng tới bảo hiểm xã hội toàn dân, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với khu vực nông nghiệp nông thôn, lao động phi chính thức, làm thay đổi nhận thức và thói quen của người dân tham gia bảo hiểm xã hội.

g) Thực hiện có hiệu quả các quy định của Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội và

các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ. Rà soát các chính sách, chương trình, đề án trợ giúp xã hội hiện hành đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, đáp ứng kịp thời nhu cầu cơ bản của người dân, nhất là người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế và người bị rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Triển khai hệ thống giáo dục đào tạo và phát triển thị trường lao động

a) Thực hiện tốt các chính sách phát triển giáo dục và đào tạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm. Thực hiện tốt công tác rà soát nhu cầu học nghề của người lao động trên địa bàn, nắm chắc nhu cầu đào tạo cho từng nghề, lĩnh vực; xây dựng kế hoạch đào tạo nghề gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, nhu cầu học nghề của người lao động.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo quy định; lựa chọn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp đủ điều kiện để tham gia đào tạo, đào tạo lại. Tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo thường xuyên và đào tạo lại cho người lao động, nhất là đào tạo các kỹ năng làm việc, tính kỷ luật, tác phong công nghiệp.

d) Phát triển thị trường lao động cạnh tranh, lành mạnh; chú trọng đào tạo, đào tạo lại và đào tạo nâng cao nguồn nhân lực gắn với chuyển đổi nghề và quá trình cơ cấu lại nền kinh tế; phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động; đẩy mạnh chuyển dịch lao động và thúc đẩy việc làm bền vững, chú trọng việc làm cho thanh niên, lao động trung niên, lao động nữ và các nhóm lao động đặc thù khác. Quan tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; có chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, nhằm thu hút các nhà đầu tư, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Tăng cường đối thoại doanh nghiệp, tuyên truyền, yêu cầu doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm về bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; kết nối, thu hút các doanh nghiệp đủ năng lực trong hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài tuyển dụng lao động của thành phố.

đ) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia, thụ hưởng đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

4. Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đáp ứng nhu cầu và khả năng tiếp cận của người dân, nhất là đối tượng yếu thế, người dân tộc thiểu số

a) Tiếp tục phát triển mạng lưới trợ giúp xã hội, dịch vụ chăm sóc xã hội; nhân rộng các mô hình có hiệu quả, cách làm hay về chăm sóc xã hội và trợ giúp xã hội; phát triển đội ngũ cán bộ công tác xã hội chuyên nghiệp; phát huy vai trò của gia đình và cộng đồng trong hoạt động trợ giúp xã hội.

b) Tiếp tục phát triển mạng lưới y tế cơ sở; tăng cường công tác y tế dự phòng, vệ sinh, an toàn thực phẩm, ngăn chặn kịp thời dịch bệnh, đặc biệt là các bệnh nguy hiểm. Sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân lực của trạm y tế phường, xã phù hợp với điều kiện thực tế, nâng cao chất lượng hoạt động phòng bệnh của y tế cơ sở; nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn diện, đáp ứng sự thay đổi của mô hình bệnh tật, già hóa dân số và nhu cầu của người dân.

c) Thực hiện có hiệu quả chương trình nhà ở cho người nghèo; Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó chú trọng xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp; phát triển quỹ đất tái định cư, quỹ đất để xây dựng nhà ở xã hội, nhà cho đối tượng có thu nhập thấp, chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo phù hợp với điều kiện của thành phố.

d) Tiếp tục xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa các công trình cấp trên địa bàn; hướng dẫn, tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân nông thôn về quản lý, sử dụng các công trình cấp nước nhỏ lẻ, công trình cấp nước tập trung được đầu tư; tăng cường công tác quản lý sau đầu tư để đảm bảo hiệu quả công trình.

đ) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; nâng cao chất lượng thông tin truyền thông cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Hiện đại hóa hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách xã hội

a) Đẩy mạnh phát triển hệ thống quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số; thống nhất số hóa cơ sở dữ liệu; quản lý, cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu và thông tin; phấn đấu xây dựng mã số an sinh xã hội.

b) Đẩy mạnh thực hiện thanh toán các chế độ chính sách xã hội không dùng tiền mặt, các ứng dụng thanh toán điện tử trên nền tảng cơ sở dữ liệu tập trung.

6. Tăng cường nguồn lực thực hiện chính sách xã hội, gắn trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong việc huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực thực hiện các chính sách xã hội

a) Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách xã hội với khả năng, điều kiện phát triển kinh tế, bảo đảm dịch vụ xã hội cơ bản tối thiểu cho người dân; ưu tiên trợ giúp người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

b) Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân trong thực hiện chính sách xã hội.

c) Động viên, khuyến khích các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách chủ động, tích cực vươn lên thoát nghèo và làm giàu.

7. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 01/11/2012 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này do ngân sách nhà nước bố trí từ dự toán chi thường xuyên hàng năm của các ngành thành phố, phường, xã; các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, đề án có liên quan khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Đóng góp, hỗ trợ hợp pháp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài thành phố.

3. Các ngành thành phố và phường, xã lập dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện Kế hoạch và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành thành phố có liên quan, Ủy ban nhân dân các phường, xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch. Định kỳ hàng năm, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện Kế hoạch này.

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành thành phố có liên quan tổ chức thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định; tổ chức chăm sóc xã hội cho người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật dựa vào cộng đồng; xây dựng các mô hình cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội hỗ trợ cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

c) Phối hợp Sở Lao động – TB&XH Trà Vinh xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin về người có công, bảo trợ xã hội, trẻ em và giảm nghèo gắn với dịch vụ công trực tuyến; xây dựng cơ sở dữ liệu an sinh xã hội; đẩy mạnh thực hiện thanh toán các chế độ chính sách ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng.

d) Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp; hướng dẫn doanh nghiệp, cơ

sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn xây dựng phương án hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

đ) Tăng cường công tác kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật lao động của các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn, bảo đảm người lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp được tham gia đầy đủ.

2. Phòng Tài chính- Kế hoạch thành phố

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cân đối, bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn để thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, an sinh xã hội theo các kế hoạch, chương trình, đề án, chính sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của thành phố; tham mưu cơ quan có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư phát triển để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố

Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành thành phố có liên quan và Ủy ban nhân dân phường, xã thành phố triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án của Sở Giáo dục và Đào tạo về đẩy mạnh phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến; tiếp tục cập nhật kho học liệu số dùng chung, thư viện số hỗ trợ người học từ xa và tự học.

4. Phòng Y tế thành phố

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phát triển mạng lưới y tế; chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế toàn dân; nâng cao chất lượng dân số, chất lượng y tế cơ sở và y tế dự phòng để đáp ứng với sự thay đổi của mô hình bệnh tật, già hóa dân số và nhu cầu của người dân; xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên công nghệ số; ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh, quản lý và theo dõi hồ sơ sức khỏe cá nhân và bệnh án điện tử.

5. Phòng Quản lý- Đô thị thành phố

Rà soát, đề xuất Sở Xây dựng sửa đổi, bổ sung chính sách về nhà ở xã hội; phối hợp với các cơ quan có liên quan kêu gọi, hướng dẫn các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư, đầu tư xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp và người dân vùng chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu.

6. Phòng Kinh tế thành phố

Phối hợp với các cơ quan có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân nông thôn về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; tăng cường hướng dẫn công tác quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt sau đầu tư để công trình đảm bảo hoạt động hiệu quả, bền vững.

Chủ trì nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Trà Vinh.

7. Phòng Văn hóa- Thông tin thành phố

Chủ trì, phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan có liên quan chỉ đạo cơ quan truyền thông tổ chức thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chính sách xã hội tới doanh nghiệp và người dân; phát triển và nâng cao chất lượng Trạm truyền thanh, phát triển hạ tầng viễn thông - internet đến khu vực nông thôn.

8. Ban Chỉ huy Quân sự thành phố

Chủ trì, phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân phường, xã tổ chức thực hiện tốt công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

9. Phòng Dân tộc thành phố

Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành thành phố có liên quan, Ủy ban nhân dân phường, xã triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; công tác dân tộc và chính sách dân tộc trên địa bàn thành phố Trà Vinh.

10. Đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Trà Vinh

- Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể thành phố; Ủy ban nhân dân phường, xã, tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp, người lao động và các tầng lớp Nhân dân.

- Phối hợp với các ngành có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tập trung nâng cao chất lượng giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

11. Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Trà Vinh

Tổ chức thực hiện tín dụng ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các chương trình tín dụng ưu đãi khác theo quy định.

12. Các ban, ngành, đoàn thể thành phố

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này.

13. Ủy ban nhân dân phường, xã

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch này phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; lồng ghép kinh phí các chương trình, đề án, kế

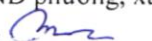
hoạch có liên quan trên địa bàn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố

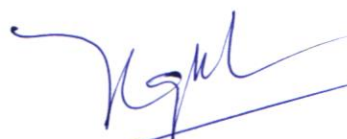
Tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện Kế hoạch này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân phường, xã báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố) để xem xét, giải quyết. /

Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH;
- TT.TU, TT HĐND;
- CT, PCT UBND TP;
- Các ban, ngành, đoàn thể;
- UBND phường, xã;
- Lưu. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Ngọc Nhi